

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2023/DS-ST  
Ngày: 31-3-2022  
*V/v tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ngô Thị Thùy Diễm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Bùi Mạnh Quyết

2. Ông Phạm Quốc Tuấn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Thanh Hằng –Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Kim Loan - Kiểm sát viên.

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 148/2022/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2023/QĐST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà A, sinh năm 1983.

Địa chỉ: 147/41 Nguyễn Thông, Phường 3, thành phố X, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Ông B, sinh năm 1977.

Địa chỉ: ấp 3 xã Y huyện T tỉnh Long An.

Bà C, sinh năm 1977.

Địa chỉ: 62/5 Nguyễn Cửu Vân, Phường 4, thành phố X, tỉnh Long An.

*(các đương sự vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/6/2021, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà A trình bày:*

Bà và ông B là chỗ quen biết, bà C là vợ của ông B.

Vào ngày 26/4/2021 bà có cho ông B và bà C vay số tiền 600.000.000 đồng, khi vay có làm giấy tay, ông B, bà C có ký tên vào giấy tay, lãi suất thỏa thuận là 1%/tháng, chỉ

thỏa thuận miệng, không ghi vào giấy tay, mục đích vay để đáo hạn ngân hàng. Cùng ngày bà đã chuyển số tiền 600.000.000 đồng vào tài khoản của ông B.

Vào ngày 22/5/2021 ông B có trả cho bà số tiền 200.000.000 đồng, chuyển khoản vào tài khoản của bà rồi ngưng luôn đến nay mặc dù bà đã nhiều lần nhắc nhở.

Ông B và bà C chỉ trả cho bà số tiền gốc 200.000.000 đồng ngoài ra không có trả tiền lãi cho bà.

Do đó nay bà khởi kiện yêu cầu ông B và bà C có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà số tiền gốc vay là 400.000.000 đồng, tiền lãi 63.066.000 đồng tính từ ngày 26/4/2021 đến ngày 31/7/2022 và tiền lãi tính từ ngày 01/8/2022 cho đến khi Tòa án xét xử theo mức lãi suất 1%/tháng, hoàn trả 01 lần.

Tại Biên bản lấy lời khai, bà A thay đổi yêu cầu khởi kiện cụ thể chỉ yêu cầu tính lãi trên số tiền 400.000.000 đồng từ ngày 23/5/2021 cho đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi 10%/năm.

Bà và ông D là vợ chồng, hiện hôn nhân vẫn còn tồn tại. Số tiền bà cho ông B, bà C vay là tiền riêng của cá nhân bà, không phải là tiền chung của vợ chồng.

*Bị đơn ông B và bà C vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có lời trình bày.*

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có tiến hành thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông B, bà C biết Tòa án có thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng vay theo đơn khởi kiện của bà A nhưng ông B, bà C không có ý kiến bằng văn bản gửi đến Tòa án về việc khởi kiện của bà A.

Vụ án được Tòa án tiến hành hòa giải nhưng ông B, bà C vắng mặt. Tòa án nhân dân huyện T đưa vụ án ra xét xử.

*Tại phiên tòa bà Trần Thị Kim Loan – đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo pháp luật tố tụng và các đương sự trong vụ án đã chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Riêng bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử xử vắng mặt ông B, bà C là phù hợp.

Về nội dung vụ án: căn cứ vào giấy tay vay tiền ngày 26/4/2021 giữa bà A và ông B, bà C đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn có trách nhiệm hoàn trả số tiền gốc 400.000.000 đồng và tiền lãi.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà A khởi kiện yêu cầu ông B, bà C có trách nhiệm liên đới hoàn trả số tiền vay là 400.000.000 đồng và tiền lãi. Ông B cư trú tại ấp 3, xã Y, huyện T, tỉnh Long An, bà C cư trú tại 62/5 Nguyễn Cửu Vân, Phường 4, thành phố X, tỉnh Long An. Ngày 22/10/2021 Tòa án nhân dân thành phố X thụ lý vụ án. Ngày 25/5/2022 bà A có Đơn yêu cầu xem xét chuyển

hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An để giải quyết. Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 41 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện T giải quyết theo thủ tục sơ thẩm. Căn cứ theo yêu cầu của đương sự xác định quan hệ pháp luật “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 205, 207 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng không tiến hành hoà giải được do vắng mặt bị đơn. Vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại biên bản xác minh của Công an xã Y xác nhận ông B có đăng ký thường trú tại ấp 3 xã Y, huyện T nhưng thực tế không sinh sống tại địa phương, bà C. Tại biên bản xác minh của Công an Phường 4, thành phố X xác nhận bà C có đăng ký thường trú tại 62/5 Nguyễn Cửu Vân, Phường 4, thành phố X nhưng không thường xuyên sinh sống tại địa phương. Do đó Tòa án đã tiến hành thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của ông B, bà C, các đương sự đã được thông báo về việc Tòa án thụ lý vụ án, về phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, về thời gian xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt, cũng không có lời trình bày hay ý kiến phản hồi gửi cho Tòa án. Bà A có Đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại các Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà A, ông B, bà C.

Ông D là chồng bà A trình bày số tiền bà A đang khởi kiện ông B và bà C là tiền riêng của bà A, trong vụ án này ông không có yêu cầu gì nên không cần thiết phải đưa ông D vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

## [2] Về nội dung tranh chấp:

Bà A khởi kiện yêu cầu ông B và bà C có trách nhiệm liên đới hoàn trả số tiền vay 400.000.000 đồng.

Xét lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Vào ngày 26/4/2021 bà A có cho ông B và bà C vay số tiền 600.000.000 đồng, khi vay có làm giấy tay, ông B, bà C có ký tên vào giấy tay, lãi suất thỏa thuận là 1%/tháng, chỉ thỏa thuận miệng, không ghi vào giấy tay, mục đích vay để đáo hạn ngân hàng. Cùng ngày bà A đã chuyển số tiền 600.000.000 đồng vào tài khoản của ông B. Vào ngày 22/5/2021 ông B có trả cho bà A số tiền 200.000.000 đồng, chuyển khoản vào tài khoản của bà A rồi ngưng luôn đến nay mặc dù bà A đã nhiều lần nhắc nhở. Việc ông B, bà C không trả nợ cho bà A theo như cam kết trong giấy mượn tiền là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, ông B và bà C vắng mặt. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên toà và các chứng cứ mà bên nguyên đơn cung cấp, ông B và bà C đã được thông báo đầy đủ thông tin về vụ kiện và quá trình giải quyết vụ án của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt là không chấp hành thông báo của Tòa án, đồng thời mặc nhiên thừa nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chứng cứ bên nguyên đơn cung cấp.

Đối với yêu cầu tính lãi: bà A yêu cầu tính lãi từ ngày 23/5/2021 đến ngày 30/3/2023 trên số tiền 400.000.000 đồng, mức lãi suất: 10%/năm. Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự “4. Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.”

Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự quy định “2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.” Lãi suất được xác định là 50% mức lãi suất giới hạn là 10% năm : 12 tháng = 0.83% tháng

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm “Đối với hợp đồng vay có kỳ hạn thì thời gian chậm trả nợ gốc bắt đầu kể từ ngày tiếp theo liền kề của ngày hết kỳ hạn vay đến thời điểm xét xử sơ thẩm, trừ trường hợp có thỏa thuận khác;”

Ông B, bà C thanh toán cho bà A số tiền 200.000.000 đồng vào ngày 22/5/2021 rồi ngưng luôn cho đến nay, không thanh toán bất kỳ khoản gốc và lãi nào.

Vậy tiền lãi của bà A được tính từ ngày 23/5/2021 đến ngày 31/3/2023 là 22 tháng 08 ngày x 0.83% x 400.000.000 đồng = 73.925.000 đồng.

Về nghĩa vụ liên đới: tại thời điểm ông B và bà C vay tiền của bà A thì ông B và bà C là vợ chồng, hôn nhân giữa ông B và bà C vẫn đang tồn tại do đó xác định khoản vay trên là trong thời kỳ hôn nhân. Do đó căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình 2014 và Điều 288, 463, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 26/4/2021 buộc ông B và bà C có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà A số tiền còn nợ gốc 400.000.000 đồng và tiền lãi 73.925.000 đồng, tổng cộng số tiền 473.925.000 đồng.

Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: 2.700.000 đồng, bà A chịu và nộp xong.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: ông B và bà C phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về lệ phí, án phí Tòa án. Hoàn trả cho bà A số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 227, 228, 463, 465, 466, 471, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về lệ phí, án phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với ông B và bà C.

Buộc ông B và bà C có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà A số tiền 473.925.000 đồng (bốn trăm bảy mươi ba triệu, chín trăm hai mươi lăm ngàn đồng, trong đó bao gồm 400.000.000 đồng tiền gốc và 73.925.000 đồng tiền lãi).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trong vụ án này, hàng tháng ông B và bà C còn chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: 2.700.000 đồng, bà A chịu và nộp xong.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông B và bà C phải liên đới nộp 22.957.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà A số tiền 10.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu số 0001020 ngày 22/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X.

Án xử sơ thẩm công khai, vắng mặt tất cả các đương sự. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An,
- VKSND huyện T,
- Chi cục THA huyện T,
- Các đương sự,
- Lưu HS,
- Lưu án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà**

**Ngô Thị Thùy Diễm**

